

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST
Ngày 27-6-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Khánh.
2. Bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xóm N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị L ngày 10-02-2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện B. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hòa

thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thỉnh thoảng anh bận đi làm ăn xa nhà, chị L ở nhà không biết cách nội trợ, thu vén việc gia đình, không biết cách chăm sóc con cái và luôn nghi ngờ anh không chung thủy; bên cạnh đó trong quá trình sống cùng với gia đình nhà chồng thì chị L luôn có lời lẽ chửi bới, xúc phạm đến bố mẹ chồng và gia đình nhà chồng dẫn đến tình trạng vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi nhau. Đến ngày 28-12-2016 âm lịch, do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên anh đã tát chị L, sau đó chính quyền, đoàn thể thôn xóm và hai bên gia đình đã can thiệp, hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đến ngày mừng bầy Tết Nguyên đán năm 2017 vợ chồng lại xảy ra xô xát căng thẳng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị ly thân nhau từ đó đến nay không còn quan hệ, gặp gỡ gì nhau nữa. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị L không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị L.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Trần Thị L trình bày: Về thời gian, điều kiện chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T và thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau đúng như anh T đã trình bày. Chị L xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị phát hiện anh T nhắn tin hẹn hò quan hệ với người phụ nữ khác, chị có nhờ bố mẹ chồng can thiệp khuyên bảo anh T nhưng bố mẹ chồng không những không khuyên can mà còn bênh vực anh T và quay ra hắt hủi chị, bản thân anh T cũng không quan tâm chăm lo cho vợ con nữa. Đến tháng 9-2016 chị sinh con thứ hai, khoảng một tháng sau cháu bị ốm phải đi Bệnh viện nhưng anh T cũng bỏ mặc hai mẹ con chị; khi chị và con ở viện về thì bố mẹ chồng và gia đình nhà chồng thường xuyên chửi bới chị, ném đồ đạc của chị ra ngoài đường và đuổi chị ra khỏi nhà, bản thân anh T cũng luôn nghe theo bố mẹ chửi bới, đánh đập chị. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ ngày mừng bầy Tết Nguyên đán năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn và sống ly thân anh T cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gặp gỡ nhau nữa. Nay chị L xác định mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân nhau đã lâu nhưng chị không đồng ý ly hôn anh T vì muốn các con có đủ cả bố và mẹ chăm sóc, giáo dục.

Về con chung: Anh T và chị L thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23-11-2013, hiện nay anh T đang nuôi dưỡng và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16-9-2016, hiện nay chị L đang nuôi dưỡng.

Song anh chị không thống nhất được việc nuôi con. Anh T đề nghị khi ly hôn anh được quyền nuôi dưỡng cả hai cháu A và K, anh không yêu cầu chị L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh; trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh thì anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, tại vì từ khi anh chị ly thân nhau đến nay thì cháu A do anh nuôi dưỡng ổn định, còn cháu K do chị L nuôi dưỡng ổn định. Chị L cũng đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu A và K, chị yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T, chị L thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo, các bước tiến hành của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định; Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là anh T và chị L đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23-11-2013 cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16-9-2016 cho chị L nuôi dưỡng. Anh T và chị L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 10-02-2011 tại UBND xã V, huyện B. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị L nghi ngờ anh T không chung thủy với chị; ngoài ra vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong cách chăm sóc con cái; bên cạnh đó còn có sự mâu thuẫn căng thẳng giữa chị L với gia đình nhà chồng, anh T bênh vực bố mẹ nên hay mắng chửi, hắt hủi chị L, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh T xin được ly hôn chị L, còn chị L không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù chị L không nhất trí ly hôn anh T, song tại các lời khai của chị và tại phiên tòa chị đều xác định giữa chị và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã ly thân nhau từ ngày mùng bảy tháng giêng năm 2017 cho đến nay mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo xác minh tại địa phương, anh T và chị L mâu thuẫn do nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L cũng thường xuyên xảy ra cãi vã với bố mẹ chồng; anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng về nhà thì chị L tỏ ra ghen tuông, nghi ngờ anh T nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau gây mất trật tự tại địa phương; bên cạnh đó thì mâu thuẫn giữa hai gia đình nội ngoại của anh chị cũng rất căng thẳng không thể hóa giải được nên càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng anh chị tăng thêm trầm trọng, chính quyền, đoàn thể địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho anh T được ly hôn chị L là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Anh T và chị L có hai con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23-11-2013 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16-9-2016. Xét nguyện vọng của anh T và chị L cũng như điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh chị và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu A đang do anh T nuôi dưỡng ổn định, còn cháu K đang do chị L nuôi dưỡng ổn định, vì vậy để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, học hành của các cháu, cần tiếp tục giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu A, giao cho chị L được quyền nuôi dưỡng cháu K, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn*: Anh T, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết đối với những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 23-11-2013. Giao cho chị Trần Thị L được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 16-9-2016. Anh T và chị L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T, chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh và chị.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0001096 ngày 29-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Anh T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh T và chị L biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS H. Bình Lục;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

